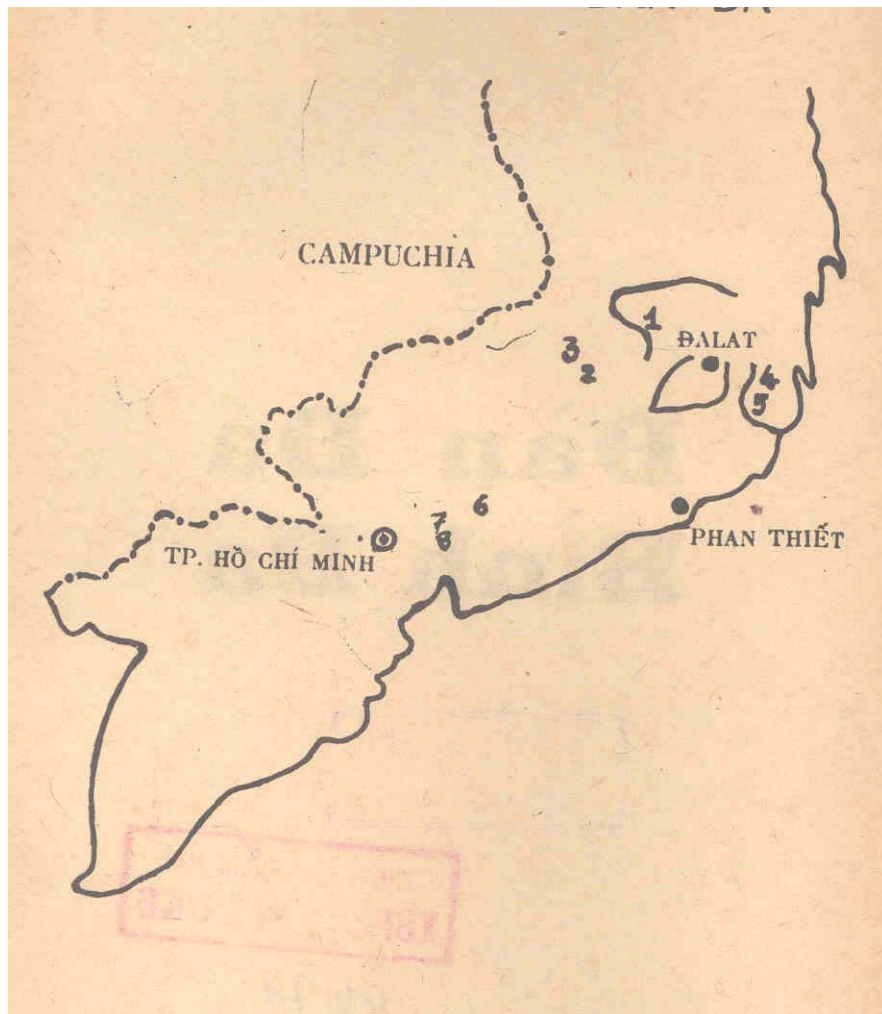


LÊ XUÂN DIỆM – NGUYỄN VĂN LONG

ĐÀN ĐÁ
BÌNH ĐÀ

NHÀ XUẤT BẢN ĐỒNG NAI

1983



- I. Nơ đút Liêng Cơ rắc 2. Bù Đơ 3. Bu đăng xpe 4. Khánh Sơn 5. Bác Ái 6.
Đa Cai 7. Gò Me 8. Bình Đa

LỜI GIỚI THIỆU

Tháng 12-1979, tại công trường khai quật khảo cổ di tích Bình Đa (Biên Hoà – Đồng Nai) đã phát hiện nhiều thanh đá cổ, nằm trong lớp đất văn hóa có nhiều công cụ, vật dụng của những lớp người sống cách ngày nay từ nhiều nghìn năm trước. Đây là một khám phá khảo cổ quan trọng được du luận trong và ngoài nước hết sức quan tâm và theo dõi.

Ngày 31-12-1979, Viện Khoa học xã hội tại thành phố Hồ Chí Minh và Ty văn hóa Thông tin tỉnh Đồng Nai đã thông báo “Kết quả khai quật đàn đá Bình Đa” tại thành phố Biên Hoà.

Từ đó đến nay, có nhiều phát hiện mới về đàn đá, về di tích có đàn đá. Tuy vậy, khám phá đàn đá Bình Đa vẫn nổi lên như là một trong những sự kiện khảo cổ đánh chú ý nhất của thập niên 70 trở lại đây. Đặc biệt kết quả phân tích, nghiên cứu những tư liệu thu thập được vừa qua ở khu di tích làng cổ ấy, đã đưa đến nhiều hiểu biết mới về văn hóa – lịch sử vùng đất cũ Đồng Nai và nam Tây Nguyên.

Tập sách “Đàn đá Bình Đa” do NXB. Đồng Nai xuất bản lần này, đã giới thiệu khái quát phát hiện khảo cổ quan trọng nói trên. Nội dung của nó thật phong phú, hấp dẫn. Các tác giả biên soạn đã có những nỗ lực lớn trong việc sưu tầm nhiều tài liệu của chuyên ngành khảo cổ, tập hợp không ít những dữ kiện của các ngành khoa học khác như Địa chất học, Cổ sinh vật học, Nông học, Sử học, Dân tộc học, Âm nhạc học... Bằng phương pháp phân tích, nghiên cứu, tổng hợp, các tác giả đưa đến cho chúng ta, trong hai phần “Bình Đa, hàng nghìn năm trước” và “Đàn đá Bình Đa, một nhạc cụ cổ kính”, những phác họa sinh động về quá trình phát hiện đàn đá, về đặc điểm độc đáo của đàn đá trong không gian – xã hội vùng đất cũ Đồng Nai, trong hình ảnh phát triển của nền văn hóa cổ xưa nơi đây.

Tiếp đó, trong phần “Đàn đá Bình Đa trong gia đình đàn đá Việt Nam”, các tác giả đã trình bày và phân tích giá trị khoa học của đàn đá Bình Đa trong toàn bộ quá trình tìm tòi, nghiên cứu loại hình nhạc cụ này từ gần nửa thế kỷ nay.

Trong tập sách, có nhiều vấn đề khoa học mới mẻ mà các tác giả mạnh dạn đề xuất, nhằm góp phần khám phá về lịch sử. Trong đó, nổi bật lên là sự khẳng định bước đầu những sắc thái văn hóa cổ xưa khá độc đáo, khá lâu đời ở vùng đất cũ Đồng Nai – nam Tây Nguyên, với biểu tượng tập trung nhất là những dàn đàn đá kì diệu và dòng nhạc đàn đá đặc sắc.

Tập sách “Đàn đá Bình Đa” được biên soạn dưới dạng phổ cập, cố gắng thỏa mãn nhiều bạn đọc đang muốn tìm hiểu những phát hiện mới về khảo cổ học, về nền văn hóa cổ truyền của đất nước ta, trong lúc nhân dân ta đang xây dựng nền văn hóa mới xã hội chủ nghĩa. Tuy nhiên, tập sách cũng khó tránh khỏi có một số vấn đề khoa học chưa được, hoặc đúng hơn chưa có điều kiện giới thiệu, lý giải đầy đủ. Chắc rằng, chúng ta sẵn sàng lượng thứ và thông cảm với tác giả về hạn chế đó.

Chúng tôi hy vọng các tác giả, gồm: Đồng chí LÊ XUÂN DIỆM, trưởng ban Khảo cổ học, chủ biên tập sách này, và đồng chí NGUYỄN VĂN LONG – Trưởng đoàn khai quật di tích Bình Đa – trong các tập sách tới sẽ tổng hợp được nhiều thành tựu của khảo cổ học trong những năm qua, sẽ đáp ứng đầy đủ hơn những yêu cầu của bạn đọc muốn hiểu sâu, biết kỹ về loại nhạc cụ đàn đá độc đáo của dân tộc.

Chúng tôi cũng bày tỏ sự phấn khởi khi được đọc những trang mở đầu cho tập sách này của Giáo sư LƯU HỮU PHƯỚC – Viện trưởng Viện nghiên cứu nhạc Việt Nam, Chủ tịch Hội đồng Khoa học đàn đá Việt Nam, - đã nêu lên những nét lớn về kết quả đến nay của công cuộc tìm hiểu và nghiên cứu đàn đá.

Cuối cùng, thay mặt cho các tác giả, chúng tôi xin trân trọng giới thiệu tập “Đàn đá Bình Đa” này, với hy vọng tập sách cung cấp nhiều hiểu biết mới, đầy hứng thú về văn hóa – lịch sử đất nước Việt Nam cho bạn đọc gần xa.

Giáo sư NGUYỄN CÔNG BÌNH
VIỆN TRƯỞNG VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI
Tại Thành phố Hồ Chí Minh

LỜI MỞ

Đàn đá không phải là loại nhạc cụ mới và lạ. Tại nhiều nước trên thế giới, như Ê-ti-ô-pi-a, Tô-gô (Châu Phi), Pê-ru (Châu Mỹ La-tinh), người ta đã từng dùng đá kê làm đàn đá. Châu Âu, vào nửa cuối thế kỷ 19, nhiều nhạc sĩ người Anh, người Pháp đã sáng chế cây “đàn dương cầm bằng đá xi-lêc”, từng đem trình diễn trước hoàng hậu Anh, trưng bày trong triển lãm quốc tế và tham gia hòa tấu trong giàn nhạc cổ điển.

Ở nước ta, đặc biệt tại vùng cao Tây Nguyên, cũng đã phổ biến tập quán dùng đá kê làm nhạc cụ. Những tên gọi công đá (goong lú), đá kê (teeng-leeng, tiing-gliing, kling klung...), đá chám (mau-prum) vốn rất quen thuộc với đồng bào Thượng Tây Nguyên.

Tuy vậy đàn đá cổ được giới khoa học âm nhạc quốc tế biết đến đầu tiên là từ phát hiện bộ đàn đá tiền sử ngày 5.2.1949 ở làng Nơ-đút Liêng Cơ-rắc (Đắc Lắc),

được công bố ngày 21-6-1950 ở Pa-ri, của nhà dân tộc học G. Công-đô-mi-nát (George Condominas) và nhà dân tộc âm nhạc học A. Sáp-ne (André Schaeffner). Tiếp sau đó vài đàn đá tiền sử khác cũng đã được tìm thấy ở Tây Nguyên. Trong đó, một bộ ở buôn Bù- Đơ (Bảo Lộc - Lâm Đồng); một bộ ở một sân bay thuộc xứ “Annam” mà nay còn lưu giữ ở Lốt An-giơ-lét (Los Angeles)

Đến sau ngày đất nước giải phóng và thống nhất, được sự quan tâm và chỉ đạo cụ thể của Đảng và Nhà nước xã hội chủ nghĩa, các nhà khoa học Việt Nam đã khẩn trương lần tìm lại bộ đàn đá biết trước đó ở Bảo Lộc (Lâm Đồng và khám phá nhiều bộ đàn đá khác (tạm gọi là “bộ” để chỉ những thanh đàn đá do nhân dân phát hiện cùng một lúc hoặc thu thập và dựng chung với nhau)

Tính đến ngày 19-5-1981, số đàn đá tìm được là 23 hộ, gồm 222 thanh đá có dấu vết ghe đèo hoặc không có dấu ghe đèo (không kể 11 thanh của đàn đá Nơ-đút-liêng Cơ-rắc hiện tồn trữ ở Viện Bảo tàng Con người tại Pa-ri và 7 thanh của đàn đá “An-nam” vẫn thuộc quyền sở hữu của một tư nhân ở Lốt An-giơ-lét.

Việc sưu tầm thêm nhiều đàn đá đã thúc đẩy công cuộc nghiên cứu lịch sử âm nhạc phát triển thêm một bước mới. Nhiều vấn đề khoa học khá mâu chốt được bàn luận. Tập trung có hai vấn đề nổi bật nhất là:

1. Đàn đá có phải thực sự là nhạc cụ không?
2. Niên đại và thang âm cơ bản của đàn đá ra sao?

Vấn đề thứ nhất gắn liền với quan niệm định chuẩn một nhạc cụ, đặc biệt, nhạc cụ đó lại là đàn đá. Cứ dựa vào những tư liệu hiện biết thì đến ngày nay, đã rõ ràng là các thanh đá làm đàn đều được con người có ý thức chọn tìm công phu, mà tiếng gõ phải kêu hay. Ông Phi-năng Xơ người dân tộc Rắc-glai ở huyện Bác Ái (Thuận Hải) có thuật lại : “Tôi nay đã 60 tuổi. Trong gần 60 năm ấy, mỗi lần lội suối, tôi đều chú ý gõ lên các thanh đá. Nếu gặp được thanh có tiếng kêu hay thì tôi đem về cất giữ. Đợi đến khi đủ “bộ” thì đem ra làm đàn giữ rẫy. Song rất tiếc, đến nay tôi chỉ mới tìm được 4 thanh”. Anh hùng Núp - người dân tộc Ba Na - nhân dịp lễ công bố đàn đá Khánh Sơn ngày 12.9.1979 cũng đã nói : “tôi sẽ tự mình đi tìm đàn đá”. Nhưng từ bấy đến nay mới tìm được bốn thanh. Việc tìm “đá kêu” quả không dễ!

Sau khi tìm chọn được “đá kêu” là một quá trình dàn dựng, treo “đá kêu” lên dây theo thứ tự trầm bên trái, cao dần lên về phía trên phải, rồi sử dụng sức nước chảy, tạo lực kéo các hòn đá cuội đong đưa gõ lên các thanh đá kêu, phát ra âm thanh trầm bổng, vui tai cho con người và gây hốt hoảng cho thú dữ.

Những giàn “đá kêu” ấy, rõ ràng có đầy đủ yếu tố của một thứ đàn tự động, hay đúng hơn là đàn do sức nước điều khiển. Cho nên, đã có người gọi đó là “giàn nhạc nước”, như “suối đàn T’rưng”. Đàn T’rưng là một nhạc cụ. Đàn này chỉ khác đàn T’rưng là do suối gõ mà thôi. Nó cũng giống như ống sáo trên cái điều. Gió thổi, sáo điều kêu vi vu. Sáo ấy dù không phải do môi người thổi, nó vẫn là ống sáo, là một nhạc cụ.

Nếu nâng yêu cầu lên cao hơn nữa đối với tính chất “cây đàn”, tức là phải có âm thanh đẹp, thang âm có hệ thống, hình dáng thích hợp với kỹ thuật đánh đàn thì các đàn đá hiện biết cũng đạt được như vậy. Trước hết, âm thanh của những thanh đàn đá đã được nghe bằng tai hoặc được phân tích bằng phổ điện thanh, đều hoàn toàn có đầy đủ biểu hiện của những nhạc âm (tức tiếng nhạc)

Riêng về thang âm có hệ thống của đàn đá, đến nay vẫn chưa xác định được một cấu trúc thống nhất chung cho nhiều bộ đàn. Song, chỉ nói về đàn đá Khánh Sơn, căn cứ vào kết quả đo tần số âm thanh của Ca-xten-lăng-gô (L.Castenango) ở phòng thí nghiệm âm thanh Lép (Leipp) tại Pa-ri, thì trong hai âm vực trầm B và bổng A của đàn ấy, cho thấy chúng có 2 cao độ cách quãng tám với nhau. Trong đó thanh B1 và A1 là Si giáng 3 và 4 ; B2 và A2 là Đô 4 và 5. B3 là Rê giáng 4 và 5 ; B4 và A4 là Rê 4 và 5 ; B5 và A6 là Mi 4 và 5. Từng cặp thanh đàn đá của 2 Bộ B và A ăn khớp cao độ với nhau như vậy, thể hiện hai “bộ” đàn ấy đã do con người có chủ đích ghè đẽo cho thành hệ thống chuỗi âm thanh hẫng hoi. Hơn nữa, có điều lý thú là, tất cả các “bộ” đàn đá Nơ-đút-Liêng Cơ-rắc, Khánh Sơn, Bác Ái và cả Bình Đa đều có ít nhất một nốt nhạc giống nhau. đó là nốt Fa.

Về hình dáng, mỗi thanh đàn đá hầu như đều được ghè đẽo cho 2 mép có 2 rìa song song với nhau, khiến có thể xếp đặt nhiều thanh khít gần nhau như kiểu đàn T’rưng, đàn tling tlang (như đàn T’rưng mà bằng thanh gỗ đặc kiểu “xi-lô-phôn”. Nếu không có chủ đích làm đàn đá để con người tự tay gõ thành những nhạc điệu,

nhạc phẩm, mà chỉ để có âm thanh trầm bổng nghe cho vui tai và thú vị, thì hà tất phải ra công, bỏ sức ghè đẽo thành hình dáng cố định, có âm thanh theo qui luật. Cho nên, không cần hoài nghi gì nữa, những thanh đá ghè đẽo, những đàn đá đã được nghiên cứu, đo tần số âm thanh là có tính chất nhạc cụ thực sự.

Trong thực tế có nhiều thanh “đá kêu” chỉ nhằm sử dụng cho đàn đá giữ rầy, mà chúng ta biết chắc chắn là chỉ mới dàn dựng gần đây. Dáng hình của chúng vừa gồm có những thanh đá ghè đẽo đã từng dùng làm đàn đá thực sự, vừa cũng có cả những thanh đá, những phiến đá không có sự gia công ghè đẽo, tức những “đá kêu” có sẵn trong tự nhiên. Cho nên, sự tồn tại khá phổ biến của các giàn đàn đá giữ rầy trên vùng đất Tây Nguyên, không phủ nhận tính âm nhạc của đàn đá xưa ẩn giấu trong đó. Nó cũng gần giống như hệ thống nhiều ống sáo cột vào cái điều giấy không phủ định sự có mặt của những ống sáo được khoét lỗ rất công phu tạo thành thang âm đúng qui luật.

Về niên đại và thang âm cơ bản của đàn đá cũng đã được giới nghiên cứu rất quan tâm và có nên nhiều giả thiết. Riêng về tuổi đàn đá, nhờ có cuộc khai quật khảo cổ ở Bình Đa (Biên Hòa - Đồng Nai), tìm thấy đàn đá trong tầng văn hóa cổ, mà đã giúp soi sáng được một phần rất cơ bản. Kết quả phân tích một mẫu than trong bếp lửa ở gần đàn đá Bình Đa, bằng phương pháp phóng xạ C14, đã cho phép khẳng định rằng, đàn đá Việt Nam đã có tuổi khoảng 3.000 năm cách ngày nay. Đại gia đình đàn đá ở Việt Nam chắc chắn có quá trình phát triển truyền thống từ hơn 3.000 năm. Trong cuốn sách này, các tác giả sẽ giới thiệu đầy đủ hơn về việc phát hiện và nghiên cứu “bộ” đàn đá quan trọng nói trên.

Về thang âm cơ bản của đàn đá, cho đến nay chỉ mới ghi nhận chắc chắn được hai điều đã nói. Đó là hiện tượng từng đôi nốt nhạc cách nhau theo quãng tám trong đàn đá Khánh Sơn, và hiện tượng có nốt nhạc Fa chung cho nhiều “bộ” đàn đá tìm thấy ở những điểm di tích cách xa nhau đến hàng trăm cây số đường chim bay. Công việc phân tích, nghiên cứu thang âm của nhạc đàn đá chắc chắn còn phải tiếp tục. Thậm chí, trong tình hình tư liệu đàn đá thu thập được đến nay, công việc đó còn gặp phải nhiều mặt hạn chế. Ví như hai bộ đàn đá Khánh Sơn đã được phân tích và nghiên cứu cũng còn nhiều khía cạnh chưa hoàn hảo. Bởi theo kể lại, thì lúc mới phát

hiện đàn đá Khánh Sơn có cả thảy 21 thanh, được chia làm 3 bộ. Chẳng may, 9 thanh của 1 “bộ” đã bị mất. Chúng ta không còn có điều kiện để tìm hiểu mà liên hệ của những thanh đàn đá ấy với 2 bộ hiện còn. Cũng từ đó những phân tích và thang âm của 2 bộ đàn Khánh Sơn không tránh khỏi những thiếu sót về căn Cứ khoa học. Có lẽ, lý tưởng nhất là phải có những điều kiện, mà trong cuộc họp Hội đồng Khoa học về đàn đá Việt Nam ở Nha Trang ngày 11-7-1979, chúng tôi đã từng xác định : “Chỉ khi nào ta khai quật được đàn đá trong những điều kiện thật bảo đảm về mặt khoa học ; và tới lúc nào ta gặp được những “bộ” đàn đá toàn vẹn, ở vị trí không bị xáo trộn, thì bây giờ ta mới có đủ căn cứ để định niên đại chính xác và mới dựng lại được một cách hoàn chỉnh thang âm cơ bản của đàn đá

Đến nay, chúng ta chỉ mới đạt được phân nửa ; nghĩa là mới biết được một niên đại cụ thể và chính xác của đàn đá. Còn việc phát hiện nhiều “bộ” đàn đá nguyên vẹn trong điều kiện tối ưu thì vẫn chưa đạt tới. Cho nên, vấn đề thang âm của nhạc đàn đá, là một hay nhiều loại, giống loại thang âm nào hiện nay, quả tình vẫn chưa được giải quyết.

Tóm lại, đàn đá là một loại hình nhạc cụ đã phát hiện được ở nhiều nước trên thế giới. Tuy nhiên, cho đến nay chỉ ở Việt Nam là nơi tìm thấy nhiều nhất. Và, cũng chỉ ở Việt Nam mới có điều kiện nghiên cứu sâu về nhiều mặt. Riêng trong đại gia đình đàn đá Việt Nam sưu tầm được đến nay, thì chỉ có đàn đá Bình ba đào được ngày 14-12-1979 cho phép khẳng định niên đại một cách chính xác và có căn cứ khoa học. Còn về thang âm, thì chỉ có 12 thanh đàn đá Khánh Sơn do đồng bào Rắc-Glai thu thập từ 40 năm trước (quãng năm 1939-1940) được nghiên cứu trong 6 tháng, từ ngày 1-3-1979 đến ngày 10-9-1979, rồi công bố vào ngày 12-9-1979, là có những nhạc âm cho phép phân tích tương đối sâu nhất, đầy đủ nhất hiện nay.

Tôi hy vọng công cuộc sưu tầm, nghiên cứu đàn đá sắp tới sẽ đạt được những thành tựu lớn hơn nữa, mà vừa qua, công cuộc khám phá đàn đá Bình ba đã dựng được nền móng vững chắc chưa từng có.

Giáo sư LƯU HỮU PHƯỚC

Chủ tịch Hội đồng Khoa học về đàn đá Việt Nam

PHẦN MỘT

BÌNH ĐA , HÀNG NGHÌN NĂM TRƯỚC

ĐÔI NÉT VỀ ĐỊA LÝ LỊCH SỬ:

Bình Đa ngày nay đã là một ấp đông dân cư, nhiều ngành nghề, nằm trong phường An Bình (Biên Hòa, Đồng Nai) tiếp giáp với khu công nghiệp Biên Hòa và cách trung tâm thành phố Biên Hòa 7 km về phía đông nam.

Đất đai, cảnh vật thiên nhiên quanh vùng này khá đa dạng và thật phong phú. Về mạn tây bắc và mạn đông nam có dòng sông Đồng Nai. nước “trong mà ngọt”, từng nổi tiếng cả vùng đất Gia Định xưa ; về mạn đông và mạn bắc là vùng đồi gò cao thoáng, có những cây trái xum xuê và có cả “đá Biên Hòa”, từng một thời được dùng làm vật liệu xây dựng nhà ở, dinh thự, lăng mộ... Xen giữa hai khung cảnh thiên nhiên ấy là vùng đất phù sa bằng phẳng, được khai phá thành những cánh đồng ruộng nước màu mỡ và những khu vườn nhà kín đáo. Đất đai, cảnh vật nơi đây quả là đã hội tụ đầy đủ ba yếu tố sông nước, bãi bồi, : đồi cao, tạo nên thế hài hòa của địa hình và sự cân bằng của môi trường sinh thái đối với cuộc sống con người trong xã hội lấy nông nghiệp làm nền tảng.

Đặc điểm địa hình ấy của vùng đất quanh Bình Đa ngày nay, cũng là của chung cả các thôn ấp nằm dọc hai bên bờ hạ lưu của sông Đồng Nai. Dưới con mắt của nhà địa chất học, địa hình ấy vốn có một quá trình thành tạo khá dài lâu, trải qua nhiều biến động địa chất. Đại thể là, nguyên xưa, cả vùng đất Nam Bộ cũ có thể đã từng là một đồng bằng rộng lớn của một dòng sông Mê-công co cũng rất lớn ; sau đó do hiện tượng “tân kiến tạo”, có sự nâng lên từng phần của vỏ trái đất ở vùng đông Nam Bộ và sự sụt lún ở bộ phận đồng bằng Nam Bộ ; đồng thời theo đó là quá trình bào mòn, xâm thực, mạng sông suối phát triển, đưa đến sự hình thành lưu vực và châu thổ sông Đồng Nai và các con sông khác ; nước biển cũng dần rút lui, để lại cảnh quan gồm những ốc đảo nơi trên vùng đầm lầy cận biển và ven biển.

Ngày nay, khi đi trên những vùng đất đồi gò có loại “đá Biên Hòa” thì đây chính là những vùng phù sa xưa hoặc là những bậc thềm của dòng sông Mê-công cổ ; và khi thấy những cánh đồng bằng phẳng, những cù lao trên sông, những vùng

đầm lầy nước ngọt hoặc nước lợ, thì đây chính lại là hình ảnh của quá trình đã hồi tụ hoặc bồi lấp dang lở của phù ra sông Đồng Nai.

Quá trình bồi tụ ấy đã diễn ra liên tục khoảng từ 6 đến 5 nghìn năm trở lại đây. Cả vùng châu thổ sông Đồng Nai hiện nay là kết quả quá trình tích tụ ấy. Trong đó, vùng tam giác Cù Lao Phố - Biên Hòa - Bình Đa ở vào trung tâm châu thổ, chắc cũng được bồi tụ từ thời nghìn năm trước. Những dãy đồi gò phù sa cổ đã từ lâu không còn là những ốc đảo hoặc mũi nhô nổi lên giữa vùng đầm lầy ven biển hoặc cận biển ; mà bao quanh chúng là những vùng đất ruộng màu mỡ, những dãy cù lao lớn được khai phá từ lâu đời. Đường bờ biển hoặc vùng cận biển đã lùi xa khúc quanh Biên Hòa - Bình Đa hàng mười cây số, tới tận vùng Cần Giò - Duyên Hải.

Sử sách xưa đã cho chúng ta biết khá rõ và cụ thể hơn những điều trực tiếp có quan hệ đến việc khai thác vùng đất này. Đó là một vùng, cách đây khoảng 200 năm, đã từng là “Đại Phố”, một nơi đô hội, trên bến dưới thuyền, lúa gạo dồi dào, sản vật phong phú. Con người ở đây không phải chỉ mới vỡ đất làm ruộng, lập làng lập ấp, mà đã xây cất phố phường sầm uất mở mang đường lộ, dựng nên bến chợ tấp nập... Và “Bình Đa thôn” có từ thuở ấy, đã là cửa ngõ thông thương cho sản vật miền đông vượt đò, vào “Phố”.

Cái cảnh tượng phồn vinh ấy của “Đại phố” mà sử sách đã ghi, rõ ràng đã phản ánh một bước phát triển quan trọng về kinh tế - xã hội ở vùng đất này. Một bước phát triển mà chắc chắn phải dựa trên kết quả của một quá trình thành tạo địa mạo ổn định ; một công cuộc khai thác và khai phá vùng “Đại Phố” và các miền đất xung quanh đã bắt đầu khá lâu đời.

Rất tiếc là những tài liệu chữ viết hầu như không cho biết được gì về đất đai và công cuộc khai khẩn ở thời đoạn lịch sử trước Đại Phố... Nhưng cũng may mắn, về mặt khảo cổ học, đặc biệt là khảo cổ học tiền sử thì tài liệu lại khá phong phú, cho phép chúng ta tìm hiểu, phác họa bước đầu quá trình khai phá, lập làng, dựng ấp ⁽¹⁾ đầu tiên trên bình diện châu thổ sông Đồng Nai, mà trong đó có vùng tam giác Cù Lao Phố – Biên Hòa – Bình Đa

(¹) Những từ làng, ấp được dùng trong tập sách này là để chỉ các di tích cư trú cổ xưa

Những tài liệu khảo cổ về quá trình khai phá, chinh phục đầu tiên miền đất phì nhiêu này đã được phát hiện từ những năm cuối cùng của thế kỷ 19. Có nơi những vết tích ấy là đôi ba lưỡi cuốc, lưỡi búa, lưỡi rìu bằng đá như ở Cù lao Phố, Lò Gạch, Cái Vạn, Bến Gỗ... ; có nơi dấu vết ấy dày đặc thành tầng, thành lớp với cả trăm vật dụng bằng đá, đất nung, đồ gốm các loại như ở Cù lao Rùa... Những phát hiện ấy còn quá ít ỏi và cũng bị quên lãng nhanh chóng hoặc không được chú ý tới.

Phải đến những năm 60, và đặc biệt là những năm 70 của thế kỷ này, những khám phá khảo cổ học trong vùng mới có nhiều thu hoạch quan trọng, có rất nhiều di tích những làng cổ, những ấp xưa được phát hiện. Chỉ cần đi dọc hai bên bờ sông Đồng Nai, chúng ta cũng có thể gặp lại nhiều dấu tích của những làng xưa ấy, những nơi cư trú thực sự với nhiều vật dụng bằng đá bằng đồng pha, bằng sắt, bằng đất nung... Có những di tích nằm giáp vùng bờ biển cổ như Cái Vạn (Long Thành - Đồng Nai), mà nay dấu vết những lớp cát biển còn lộ rõ. Có những di tích nằm thành hệ thống liên hoàn, gần bên nhau như Cái Lãng, Long Bửu, Bến Đò, Hội Sơn (Thủ Đức - Thành phố Hồ Chí Minh). Trong lòng châu thổ có di tích Cù Lao Rùa... Và xa về phía đỉnh của châu thổ trong địa phận tỉnh Sông Bé ngày nay, có các di tích làng cổ khá lớn như Mỹ Lộc, Dốc Chùa. Ngoài ra cũng còn không ít các diềm di tích lẻ tẻ khác như ở Lạc An (Sông Bé), Đại An (Đồng Nai)...

Nếu như chúng ta đi sâu vào các dòng chảy lớn, nhỏ trong cả vùng hạ lưu rộng lớn của sông Đồng Nai thì vết tích những làng cổ xưa ấy cũng hiển hiện ra không ít. Có khi chúng nằm thành từng cụm tới 10 địa diềm như trong vùng đồn điền Hàng Gòn (nay là Nông trường Hàng Gòn) ; có khi nằm trên các bờ suối nhỏ như di tích Cầu Sắt, Suối Chôn, Hưng Thịnh, Dầu Giây, Phú Hòa, Đồi Xoài, Đồi Mít...

Thật rõ ràng, vào khoảng thời gian hàng nghìn năm trước ⁽²⁾ những con người khai phá vùng đất này đã vừa lập làng ở trong đồng, lại dựng cả ấp ở ven sông lớn. Họ gần như có mặt ở nhiều vùng địa hình thuộc hạ lưu sông Đồng Nai. Những làng ấp cổ xưa cả hàng nghìn năm ấy hầu hết đều còn lưu cứ dưới dạng vết tích chìm trong lòng đất. Công cuộc khai quật để nghiên cứu những làng cổ ấy mới chỉ tiến hành ở

⁽²⁾ Làng cổ núi Gốm ở Xuân Lộc (Đồng Nai) có niên đại C14 là 3950 ± 250 cách ngày nay (tức 2000 ± 250 năm trước công nguyên)

đôi nơi với phạm vi còn hạn hẹp. Tuy vậy, những vật phẩm, những dấu vết thu thập, quan sát được đã bước đầu làm sống dậy cảnh tượng và sắc thái cuộc sống con người ở mỗi làng và cả trong toàn vùng châu thổ. Những làng ấy đã có phạm vi rộng lớn, chiếm diện tích cả vạn mét vuông như Cầu Sắt, Mỹ Lộc, Bến đò, Dốc Chùa... Ở mỗi làng như vậy chắc hẳn cũng khá đông dân cư. Những vết tích vật chất mà họ để lại trong lòng đất, tích tụ thành những tầng dày tới 1 - 2 mét. Số lượng vật phẩm không lồ ở đây cũng thường ít thấy ở những vùng đất khác. Ví như ở di tích Cầu Sắt, trong phạm vi 300 mét vuông đã có gần 800 hiện vật. Ở Dốc Chùa có đến trên một nghìn hiện vật trong diện tích đào 550 mét vuông. Tại di tích Phước Tân, Bến Đò, người ta chỉ thu lượm trên mặt đất cũng có được cả nghìn công cụ đá mài lưỡi.

Không còn nghi ngờ gì, những làng ấp này đã là những khu cư trú bệ thế, ổn định trong thời gian khá dài. Nếu nhìn rộng trên toàn vùng châu thổ, chúng ta hẳn sẽ có ấn tượng rõ nét về sự hình thành ở đây một vùng cư dân lớn, với cả trăm làng ấp ổn định, đông đúc và khá phát triển.

Đã lập được làng, dựng lên ấp, tất nhiên những con người ở đây đã từng phải đồ mồ hôi, nước mắt trên những mảnh đất quanh làng và trong những khu rừng gần xa để khai phá, sản xuất, tạo nên của cải vật chất và gia tăng điều kiện, phương tiện phục vụ nhu cầu của cuộc sống. Những lưỡi rìu, lưỡi cuốc bằng đá mà số lượng có cả trăm, cả nghìn chiếc trong mỗi một di tích làng xưa ; những lưỡi dao, hái, lưỡi liềm, lưỡi cuốc, búa bằng đồng, bằng sắt tìm thấy nhiều nơi quả đã minh chứng rõ ràng công việc lao động chủ yếu và khá thường xuyên của họ là chặt cây, phá rừng, cuốc đất, trồng tía, làm nông nghiệp nương rẫy. Đồng thời, xoay quanh hoạt động nông nghiệp, họ cũng đã từng bước phát triển những ngành nghề thủ công đáp ứng nhu cầu sản xuất và sinh hoạt. Họ làm đồ đá, đồ gốm khá thành thạo. Rồi biết luyện kim, đúc đồng, luyện sắt sống... Những dụng cụ thủ công đã khá phổ biến trong các di tích làng xưa với nhiều kiểu loại. Ví như đục, dao, bàn mài, bàn đập, bàn xoa. dùi se Sợi, những khuôn đúc đồng, bát rót nước đồng... Ngoài ra, các hoạt động săn bắn, hái lượm, đánh bắt thủy sản vẫn là công việc được họ duy trì và phát triển. Những đồ nghề mà họ từng sử dụng cũng có số lượng đáng kể trong các khu cư trú. Chúng ta thấy có các loại mũi nhọn, mũi lao, mũi tên bằng đá ; mũi lao, mũi giáo, lưỡi câu

bằng đồng, bằng sừng, bằng xương. Những di cốt động vật họ săn được cũng khá nhiều.

Quả thật, cư dân các làng cổ vùng đất Đồng Nai thuở ấy thực sự đã tự xây dựng được một cuộc sống kinh tế khá đa dạng. Trong đó nông nghiệp đã có vai trò quan trọng. Họ hẳn đã có “cửa ăn, cửa đẽ”, có cuộc sống vật chất tương đối phong phú.

Ngày nay, nhìn những công cụ, dụng cụ, vật dụng xưa cũ ấy của họ, chúng ta không khỏi ngạc nhiên trước những biểu hiện khá phát triển, khá tinh vi của trình độ kinh tế - kỹ thuật. Đặc biệt, chúng ta cũng thấy trong đó, dấu ấn đậm nét của một truyền thống văn hoá có sắc thái riêng đó là truyền thống của nền văn minh nông nghiệp bán sơn địa. làm nương rẫy.

Những đồ vật họ làm ra, đều có kiểu dáng riêng, có phong cách riêng. Họ quen dùng những loại rìu, cuốc có vai và không có vai, dáng chắc khoẻ, có cán cột chắc vào chuôi. Họ ưa thích và thường đựng lương thực, thực phẩm trong những đồ đựng bằng gốm tương đối mộc mạc, trang nhã. có nhuộm màu non nâu đỏ, nâu hồng, vàng xám, nhưng không quá cầu kỳ, hoa mỹ. Các loại nồi, vò, đáy tròn, những loại bình, bát lớn nhỏ với các chân đế cao, thấp... là những thứ họ dùng khá phổ biến. Ngoài ra, chúng ta có cảm tưởng là họ có vẻ như ít dùng đồ trang sức. Những vòng tay, hoa tai, hạt chuỗi hầu như không thấy nhiều trong các di tích cư trú cổ thời đó.

Có thể nói, cư dân các làng cổ ở vùng châu thổ Đồng Nai thực sự đã có mối quan hệ văn hóa gắn bó chặt chẽ. Giữa họ đã hình thành một cộng đồng văn hóa ổn định từ cả hàng nghìn năm.

Những điều ghi nhận được trên đây có thể làm cơ sở cho một phác họa chung không gian xã hội của những làng ấp cổ hàng nghìn năm ở vùng này. Đại thể là, vào thời ấy, cả vùng đất châu thổ Đồng Nai đã là vùng cư dân tương đối lớn, khá tập trung, là một khu vực kinh tế sống động và hẳn đã hình thành một cộng đồng văn hóa có sắc thái riêng. Bình Đa, một làng co hàng nghìn năm, phát hiện vào năm 1979 ở ấp Bình Đa, được giới thiệu dưới đây, chính đã hình thành và phát triển trong khung cảnh địa lý - lịch sử như vậy đấy ! Một khung cảnh khác với “Bình Đa thôn” thời cận đại, và cũng khác “Áp Bình Đa” ngày nay. Đó là khung cảnh mà những con người

sống trong các làng ấp đang trên đà kiến tạo một xã hội có nền văn minh nông nghiệp vào loại sớm ở vùng nam Đông Dương.

LÀNG CỔ BÌNH ĐA:

Ngay từ năm 1897, người ta đã biết đến những dấu vết văn hoá có ở Bình Đa qua một thông báo ngắn của E. Hamy đề cập về những “lưỡi tầm sét” nhặt được trong vùng. Thông báo đó đã không gây được sự chú ý của giới quan chức thuộc địa và giới khoa học Pháp, tuy lúc bấy giờ, cách Bình Đa không xa, người ta đang tiến hành những đợt đào tìm “vật lạ” tại một di tích văn hóa co - di tích Cù lao Rùa (Đồng Nai).

Từ đó về sau, suốt khoảng thời gian dài hơn 80 năm, dấu tích làng cổ này vẫn bị phủ kín trong lòng đất, vẫn tiếp tục bị quên lãng trong ký ức của nhiều thế hệ người.

Phải đến tháng 9-1979 chúng ta mới lại biết đến dấu tích văn hóa cổ ở đây nhờ một tin ngắn từ công trường xây dựng bãi xe ô-tô, do đồng chí giám đốc xí nghiệp vận tải hàng hóa tỉnh Đồng Nai báo về Phòng Bảo tồn Bảo tàng của tỉnh. Tin ấy đã được ngành khảo cổ học tiếp nhận kịp thời. Rồi sau đó không lâu, vào tháng 12-1979, cuộc khai quật nghiên cứu di tích Bình Đa được tiến hành.

Làng Bình Đa cổ xưa cũng giống như nhiều làng co khác ở ven sông Đồng Nai, được lập lên trên đồi cao thoáng mát, lưng tựa vào sườn, mặt quay về phía sông. Kết quả khảo sát cho biết vết tích cư ngụ của người trong làng cổ này nằm ở hai khu vực.

Khu cư trú thứ nhất nằm về phía đông sông Đồng Nai, cách bờ sông hiện nay khoảng 300 mét. Dấu vết văn hóa có ở đây đã bị mưa bào mòn, bị xe ủi san phẳng, nên còn lại rất ít.

Khu cư trú thứ hai nằm cách khu thứ nhất khoảng 300 mét về phía đông nam sát bờ sông Đồng Nai. Tại đây nhiều vật dụng cổ xưa như cuốc đá, rìu đá, bàn mài, mảnh đồ gốm lộ trên mặt đất, lẫn trong các vườn cây trái, trong các rẫy khoai mì... gần như lan khắp cả mặt sườn phía nam của quả đồi, với diện tích rộng tới một trăm hai mươi nghìn mét vuông. Trên vách các giếng nước, các “hầm đá Biên Hòa” còn thấy vết tích văn hóa cổ chồng chất thành tầng, thành lớp sâu tới cả mấy mét. Rõ ràng đây là một khu cư trú cổ có qui mô khá lớn ; thậm chí vào loại lớn nhất trong vùng châu thổ sông Đồng Nai.

Công cuộc khai quật đã được tiến hành ở khu vực này trên một diện tích chưa tới 200 mét vuông. Trong hai hố đào, các lớp đất lần lượt được bóc lên, nhiều điều bí ẩn trong lòng đất hàng nghìn năm nay của làng cổ này lần đầu tiên được tuần tự đưa ra ánh sáng. Người ta đã thấy các lớp đất có dấu vết sinh hoạt hình thành từng tầng, từng lớp, có bề dày khá lớn, từ 1,60m (ở phía dưới gần chân đồi) lên đến 2,90m (ở phía gần đỉnh đồi). Nằm lẫn trong các lớp đất có nhiều bếp lửa lớn, còn giữ nguyên từng lớp than tro nhiều màu sắc đen, đỏ, trắng, hồng. Phạm vi của những bếp lửa này, theo những vết lộ quan sát được, đã chiếm gần 50 mét vuông, và chắc chắn còn lan rộng bởi phần diện tích chưa được khai quật về phía đỉnh đồi. Các tầng than tro của những bếp lửa này chồng chất lên nhau, khi liên tục, khi gián cách trên một bề dày rất lớn khoảng từ 1,00m đến 2,90m và cách mặt đất đồi hiện nay khoảng 60-70cm. Bên cạnh các bếp kia có di cốt các loài động vật như bò rừng, hươu, nai, tê giác... Ngoài ra, cũng có những nhóm đồ gốm vỡ nằm thành từng cụm ở những vị trí khác nhau, độ sâu khác nhau ngoài vùng các bếp lửa. Những vết tích ấy có vẻ như có liên quan với nhau, gợi cho chúng ta nghĩ đến cảnh sinh hoạt quanh bếp lửa lớn của những thế hệ người từng có ăn ở đây hàng nghìn năm... Đây là một hình thức sinh hoạt phổ biến và thường xuyên của những cư dân cổ ở nhiều nơi, mà tài liệu dân tộc học ngay nay vẫn còn chưa biết rõ.

Cũng từ những lớp đất trong hố đào, đã có nhiều vật dụng cổ xưa được thu lượm. Số hiện vật lên tới 1.500 chiếc. Trong số lượng lớn đó, những vật dụng bằng đá chiếm đa số, với 1.200 chiếc. Đồ đất nung có khoảng 300. Ngoài ra, còn nhiều mảnh đồ gốm vỡ rải ở khắp mọi độ sâu trong tất cả các lớp đất, với mật độ khá cao. Chỉ tính trong phạm vi 100 mét vuông của một hố đào, số lượng mảnh gốm cũng đã gần bốn vạn (40.000 mảnh).

Số lượng vật dụng nhiều như vậy, trong diện tích chưa đến 200 mét vuông, thật sự là điều ít thấy trong các di tích có cùng thời. Ở những di tích loại khá lớn như Cầu Sắt, Cái Vạn (Đồng Nai), Bến Đò (thành phố Hồ Chí Minh), Mỹ Lộc, Dốc Chùa (Sông Bé) cũng không có được tổng số vật dụng lớn đến thế. Mật độ vật dụng tính theo đơn vị diện tích cũng không cao như vậy. Cho nên, có thể nghĩ rằng, di tích cư

trú cổ Bình Đa là một trong những di tích giàu hiện vật trong những di tích cùng thời ở vùng châu thổ Đồng Nai.

Ngoài ra, các vật dụng ở đây còn phong phú về nội dung và đa dạng về loại hình, kiểu dáng. Trong những vật dụng bằng đá, người ta thấy một hình ảnh “trăm dáng, nghìn kiểu”. Nếu đoán định theo chức năng sử dụng thì có cuốc, búa, rìu, đục, dao, vòng tay, bàn mài. Nhưng nếu chọn theo hình dáng thì còn đa dạng hơn rất nhiều. Chỉ kể riêng một loại công cụ sản xuất là rìu, chúng ta có thể thấy ở nơi đây có những chiếc lớn, chiếc nhỏ ; chiếc dài, chiếc ngắn ; chiếc dày, chiếc mỏng ; chiếc cong ; chiếc thẳng ; chiếc nhọn, chiếc thô ; chiếc có hình tam giác, tứ giác, hoặc có vai... Nếu lại xem kỹ từng bộ phận nhỏ như phần lưỡi thì có chiếc lưỡi cong, có chiếc lưỡi gân thẳng, có chiếc rìa lưỡi cân, có chiếc lệch về một mặt. Trong những chiếc có vai ở trên thân, thì có chiếc vai nhô cao, có chiếc vai ngang, lại có chiếc vai xuôi...

Các loại hình vật dụng bằng đất nung và gốm cũng thật phong phú. Ngoài một số loại còn nguyên dáng hình hoặc có thể dựng lại hình dáng như loại bếp có giá 3 chân, những hòn “bi gốm”, những “mảnh tròn bằng gốm”, gần như toàn bộ bốn vụn mảnh vỡ đều là thành phần của nhiều loại đồ đựng như nồi, bình; chậu, bát... Trong những loại đồ đựng ấy, chúng ta cũng thấy có nhiều kiểu dáng, nhiều kích thước nhiều màu sắc và nhiều loại hoa văn trang trí khác nhau. Ví như loại nồi cũng có to nhỏ, cao thấp, rộng hẹp ; cái có miệng loe, cái có miệng đứng... Bình cũng có nhiều loại. Bát thì có cái chân cao, chân thấp, chân trụ cao... Nhìn qua màu sắc của gốm có loại đỏ nhạt, đỏ nâu, vàng xám, đen nhạt, v.v... Chất liệu làm gốm cũng hoặc pha thêm cát mịn, pha bột đá, hoặc pha bã thực vật với nhiều tỷ lệ khác nhau. Bề mặt đồ gốm có khi để trơn, xoa bóng ; cũng có khi in hoặc đập thêm hoa văn hình nan chiếu (nhiều nhất), hoặc kẻ, vẽ bằng que tre nhiều hình ảnh phong phú (như hình sông nước, hình tam giác) ; hoặc đắp đai nổi ở vai, ở miệng...

Chúng ta khó có thể nói hết, kể hết, cái đa dạng phong phú và những vật dụng ở làng cổ này. Song, thật rõ ràng đây là một hiện tượng đáng chú ý. Một hiện tượng chắc hẳn có quan hệ đến quá trình phát triển cũng như những đặc điểm của các hoạt động kinh tế - văn hóa của những thế hệ người ở khu cư trú cổ này.

Phải chăng, làng cổ Bình Đa ở vào vị trí như trung tâm châu thổ nên có thể đã từng là nơi hội nhập nhiều vật dụng các địa phương khác nhau tạo nên sự phong phú trong bộ mặt văn hóa vật chất của nó ? Chúng ta có thể kể ra một số loại vật dụng ấy như những loại bếp có giá 3 chân ; những loại đồ gốm được miết bóng, được trang trí đồ án sông nước trên nền thừng chải ; những lưỡi búa, rìu, đục có hình dáng cân đối, vuông vức, mài nhẵn, cạnh sắc ; những bánh gốm tròn... Những loại hiện vật, vật dụng này đã tìm thấy và số lượng khá nhiều ở các di tích ven bờ sông Vàm Cỏ Đông như An Sơn, Rạch Núi (Long An) và ở di tích Cái Vạn - nơi cửa ngõ của sông Đồng Nai đổ ra biển xưa kia... Ngoài ra, chúng ta cũng thấy ở làng cổ Bình Đa, những vật dụng quen thuộc hoặc những dấu ấn kỹ thuật, gần gũi với các di tích làng xưa về phía đông sông Đồng Nai. Đó là những lưỡi cuốc, lưỡi rìu có dáng chắc khỏe, ít trau chuốt, ít tu sửa mài nhẵn ; hoặc những lưỡi đục, những mũi nhọn có cùng một phong cách ghè đẽo nhiều mà mài sửa thì ít ; hoặc những loại đồ đựng bằng gốm xốp nhẹ, màu sắc nâu đỏ... Ở Bình Đa, chúng ta cũng còn thấy có những vật dụng riêng, những dấu ấn kỹ thuật riêng. Trong đó, nổi bật nhất là các loại bình (loại vò) có đai đắp nổi ở vai, những kiêu hoa văn kỹ thuật dập, in hình nan chiếu... Những vật dụng, phong cách kỹ thuật ấy cũng khá đậm nét trong toàn bộ vật dụng ở nơi đây.

Như vậy, nhìn từ biểu hiện văn hóa vật chất, thì sự đa dạng và phong phú của vật dụng trong làng cổ Bình Đa chắc hẳn là có sự hòa hợp của nhiều thành phần, nhiều yếu tố văn hóa ở những địa vực xa gần, mà nay đã biết chắc chắn là vùng đất cao miền đông và miền thấp giáp đồng bằng Nam Bộ.

Con người thưở ấy ở Bình Đa chắc chắn chưa phải là những thương nhân “Đại Phố”, nhưng cũng không phải là những người “biệt lập” sống giữa cảnh trời khoáng đạt, lưng dựa vào miền đông, núi đồi, mặt ngoảnh về miền tây sông nước. Họ từng có giao lưu, trao đổi các vật dụng, các sản phẩm lao động để làm phong phú thêm cho cuộc sống cả về vật chất và tinh thần

Tuy nhiên, cuộc sống của họ, những hiệu hiện phong phú đa dạng về vật dụng của họ, trên căn bản, vẫn từ trong hoạt động nông nghiệp truyền thống trên các đám nương rẫy gần xa. Không phải ngẫu nhiên mà trong những vật dụng bằng đá ở đây lại gồm phần lớn là những loại công cụ dẫn cây, phá rừng, cuốc đất, trồng tía. Trên các

công cụ ấy còn in dấu sứt mẻ lớn ở rìa lưỡi. Đó là những di ấn của việc chặt, dẫn cây, hoặc cuốc vỡ đất đồi. Mặt khác, cũng không phải ngẫu nhiên mà, trong các lớp đất ở khu cư trú Bình Đa, người ta đã thu được gần bốn vạn (40.000) mảnh gốm của các loại đồ đựng. Ngoài những vật đựng như bát, chậu, những nôi nhỏ gắn bó mật thiết với sinh hoạt hàng ngày, chúng ta còn thấy những loại đồ đựng lớn và khá lớn, với chiều rộng ở miệng 30 - 40 cm, cao 40 - 50 cm, thậm chí, có cái miệng rộng 50 cm, cao khoảng 60 cm.

Những loại đồ đựng này chắc chắn dùng để tồn trữ lương thực hoặc để đun nấu, chế biến. Sự có mặt của chúng là thêm một bằng chứng cụ thể nữa về sự tồn tại và phát triển thực sự của nghề nông trồng cây lương thực.

Nghề trồng trọt ấy là nghề trồng trọt bằng cuốc, dựa vào thế đất đồi ven suối, vào các thung lũng ven các dòng chảy để sản xuất. Những thế hệ người sống trong làng cổ Bình Đa, tuy ở ven sông Đồng Nai, có đất phù sa bồi trước mặt, nhưng họ vẫn là những người hướng về đồi cao, trồng vườn làm rẫy và săn bắn thú rừng. Những vật dụng của họ, như đã nói, phần lớn có tính chất, đặc trưng thuộc về nền văn minh nông nghiệp bán sơn địa.

Những vết tích vật dụng có quan hệ đến nghề sông nước như nhưng hòn chì lưới bằng đá, bằng đất nung... không có mặt trong cả nghìn vật dụng ở đây. Người dân làng cổ Bình Đa xem ra có vẻ quen nhưng chưa thật hiểu hết nguồn lợi của dòng sông Đồng Nai vừa có nước trong ngọt lại vừa có “cá tôm nhiều, ngư sản lắm”. Những di cốt các loại cá, các vỏ ốc vỏ trai hầu như không thấy. Trong khi đó, những vết tích xương sườn các loài động vật rừng rậm như bò trâu rừng, con mễn, heo rừng, hoẵng, hươu nai và cả tê giác, voi... lại khá nhiều. Riêng bò, trâu rừng có 60 di cốt ; heo rừng có 54 di cốt. Săn bắn và săn bắt vẫn giữ vị trí khá quan trọng trong đời sống của người co Bình Đa. Nguồn chất béo chủ yếu vẫn từ trong rừng rậm, vùng đồi núi đến với các bữa ăn của họ bên bếp lửa. Những di cốt động vật lượm được quanh bếp lửa, giữa lớp tro than đá cụ thể hóa thực đơn bữa ăn thường ngày của họ.

Bên cạnh nghề trồng trọt một nghề quan trọng nhất trong các hoạt động kinh tế, người cổ Bình Đa cũng đã có các hoạt động thủ công như làm các loại đồ đá, đồ gốm. Trong đó, các loại kỹ thuật cho tác chế đồ đá (như ghè đẽo, mài, khoan, xuyên lỗ) ;

các loại kỹ thuật làm đồ gốm (chế biến nguyên liệu, tạo hình bằng khuôn, bằng tay, bằng ban xoay, phủ men, nung...) đều đã có bước phát triển cao theo một truyền thống kỹ thuật chung của vùng châu thổ hạ lưu sông Đồng Nai.

Các hoạt động thủ công chủ yếu nói trên vẫn nhằm đáp ứng những đòi hỏi của nghề trồng trọt. Sản phẩm chính yếu của chúng là những công cụ dùng trong nông nghiệp và những vật dụng đựng thành phẩm nông nghiệp. Những sản phẩm dùng trong sinh hoạt hàng ngày có số lượng ít, tỷ lệ thấp, chủng loại cũng không nhiều, ngoài một số ít vòng đá, dao, đục, bát gốm, chậu gốm, nồi bếp... Ở đây, chúng ta thấy rất rõ nông nghiệp gần như chi phối các hoạt động thủ công. Tuy nhiên, nếu nhìn về trình độ kỹ thuật, về mức độ chuyên môn hóa, thì cũng phải ghi nhận, các hoạt động thủ công ở con người Bình Đa xưa cũng đã khá phát triển. Trên thực tế các vật dụng được họ làm ra không kể về số lượng đã lớn, chất lượng khá tốt, mà đặc biệt là đã có sự ổn định trong loại hình, trong tính năng sử dụng, và cả phần nào đó, trong thẩm mỹ nghệ thuật. Họ thực sự đã có một truyền thống ổn định trong lãnh vực hoạt động này. Cho nên, có thể nói rằng, nếu không phải đã có những người thợ thủ công thường trực làm đồ đá, đồ gốm, thì chắc chắn những người nông dân ở đây trong làng cổ Bình Đa thực sự đã có trình độ tay nghề cao và kinh nghiệm kỹ thuật già dặn.

Bình Đa xưa, với diện mạo kinh tế - văn hóa trình bày trên đây đã chứng tỏ nó là một làng nông nghiệp. Một làng nông nghiệp làm ruộng cao (hay làm nương rẫy). Nó chưa phải là một làng nông nghiệp với nhiều ngành nghề phụ trợ ; nhưng đã có những hoạt động thủ công khá phát triển. Nhìn chung, đây là một làng có nhiều đặc trưng, có thể là cơ bản, của mô hình kinh tế-văn hoá của những làng ấp cùng thời ở vùng châu thổ sông Đồng Nai

Tuy nhiên, Bình Đa cũng không phải như những làng co bình thường khác. Làng co Bình Đa là một làng có quá trình phát triển khá dài. Người ta đã ghi nhận được, trong tầng đất có dấu tích văn hóa cổ dày từ 1m60 đến 2m90, có hai giai đoạn phát triển kinh tế-văn hóa kế tiếp nhau. Trong giai đoạn đầu, dài hơn, cư dân nông nghiệp đã sử dụng những công cụ đá có vai ở thân là chủ yếu. Đồ đựng bằng gốm có phần thô sơ về kỹ thuật. Vết tích các bếp lửa lớn nằm trong các lớp đất thuộc giai đoạn này. Từ độ sâu 0m80-0m60 trở lên là các lớp đất, các vật dụng thuộc giai đoạn

phát triển thứ hai. Lúc này, người ta sử dụng nhiều hơn các công cụ đá không có vai để cuốc đất, dẫn cây. Đồ dùng bằng gốm có tiên bộ trong kỹ thuật nên xương gốm mỏng và đều. Loại gốm màu đen ít đi, loại màu đỏ nâu, đỏ nhạt nhiều hơn, kích thước đồ gốm cũng lớn hơn. Đặc biệt, lúc này có thêm các loại đồ dùng mới như loại bếp có giá ba chân, những vòng đeo tay...

Quá trình phát triển của hai giai đoạn này kéo dài bao lâu là điều chưa thể biết được thật chính xác. Tuy nhiên hiện nay, nhờ vào sự phân tích bằng phương pháp C14 một mẫu than tro lấy trong bếp lửa ở độ sâu 1m90, chúng ta có được một niên đại cụ thể là 3180 ± 50 cách nay (tức 1230 năm trước Công nguyên). Con số này chỉ mới cho biết một thời điểm trong quá trình phát triển lâu dài đó. Nó tương ứng với tuổi của những vết tích ở độ sâu 1m90 - 2m00, vào khoảng nửa cuối của giai đoạn thứ nhất. Từ đó, có thể nghĩ rằng, niên đại khởi lập làng cổ Bình Đa này ắt phải sớm hơn năm 1230 trước Công nguyên, và thời gian tồn tại của nó còn tiếp tục kéo dài khá lâu sau thời điểm trên ba nghìn năm ấy. Nếu như căn cứ vào tốc độ tích tụ trung bình, được xác định bằng niên đại C14, là khoảng 500 năm dày chừng 0,50m của tầng văn hóa di tích Dốc Chùa (Sông Bé ⁽³⁾) - một làng cổ cùng thời và cách Bình Đa khoảng 20km đường sông mà suy tính, thì thời điểm khởi lập làng cổ này có thể vào khoảng từ 4.000 năm đến 3.500 năm cách ngày nay ; thời gian tồn tại của nó có thể kéo dài tới 2.500 năm trước. Khung niên đại ấy của làng cổ Bình Đa là khá phù hợp với trình độ phát triển kinh tế - văn hóa trong khung cảnh chung của các làng co ở vùng đất Đồng Nai. Nhưng niên đại C14 ở di tích Bến Đò (Thủ Đức - thành phố Hồ Chí Minh) 3040 ± 140 cách nay và ở An Sơn Đức Hòa - Long An) là 2855 ± 50 năm cách nay có thể, cũng góp phần xác nhận tính hợp lý của niên đại làng co Bình Đa nói trên.

Như vậy, chúng ta có đủ căn cứ để coi làng co Bình Đa như là một trong những làng khởi lập vào loại khá sớm. Nó cũng là một làng tồn tại khá dài lâu, cả nghìn năm, với những đặc điểm nổi bật mà các làng cổ cùng thời ít có được. Đó là sự rộng lớn và phạm vi cư trú ; là sự phong phú, đa dạng về nội dung văn hóa vật chất. Bình Đa quả là một điểm cư dân lớn, một làng “tâm cỡ” trong không gian xã hội các làng ấp vùng châu thổ sông Đồng Nai hồi đó.

(³) Hai chỉ số niên đại C14 ở Dốc Chùa là 3145 ± 50 năm cách ngày nay.

Bình Đa, cái làng co ấy, còn đặc biệt hơn các làng cổ cùng thời bởi sự hiện diện trong tầng đất văn hóa, cạnh khối lượng lớn vật dụng cổ xưa, một sản phẩm văn hóa nghệ thuật độc đáo - những thanh đàn đá cổ. Đây là một sắc thái mới, thật đặc biệt trong văn hóa của làng co này, mà chúng ta chưa tìm thấy ở các làng cổ khác trên vùng đất Đồng Nai. Trong khi đó, ở vùng đất Tây Nguyên, dấu ấn của nó còn lưu lại khá phổ biến trong các giàn “nhạc nước” giữ rẫy. Thậm chí, ở đôi nơi, người ta đã tình cờ tìm được những sản phẩm văn hóa cùng loại. Rõ ràng, từ phát hiện đàn đá, chúng ta thấy Bình Đa xưa và Tây Nguyên cổ truyền ngày nay hẳn có mối quan hệ văn hóa - lịch sử khá rõ nét và lâu đời

Làng cổ Bình Đa, trong lịch sử, chắc từng có vị trí như chiếc cầu nối Đồng Nai - Tây Nguyên. Đây là chiếc cầu đầu tiên được khảo cổ học khám phá ra. Chắc chắn, chúng ta còn tìm được nhiều Bình Đa khác nữa, có thêm nhiều cầu nối giữa hai vùng văn hóa co xưa và cổ truyền ấy, bởi xét về biểu hiện kinh tế - văn hóa thì cả 2 vùng ấy đều có cấu trúc không gian - xã hội sản sinh ra từ một nền văn minh nông nghiệp ruộng rẫy.

Đàn đá, sản phẩm tiêu biểu của nền văn minh ấy, dù thấy ở Bình Đa hay truyền lưu ở Tây Nguyên, thực ra đều cùng trong một không gian - Xã hội chung như vậy. Một phần cái không gian đó, chúng đi đã phác họa trong các trang trên về “Bình Đa”, hàng nghìn năm trước

PHẦN HAI

ĐÀN ĐÁ BÌNH ĐA – MỘT NHẠC CỤ CỔ KÍNH

TỪ NHỮNG PHÁT HIỆN BAN ĐẦU

Tây Nguyên vốn nổi tiếng là miền đất giàu thơ và nhạc, nhiều đàn và sáo. Trong những ngày hội hoặc vào cuộc lễ, tiếng công chiêng, tiếng hát hò rộ rịp khắp buôn làng. Đặc biệt, trong những dịp lúa rẫy tro bông, làm đòng và chín rộ, thì từ các đám sương ven những dòng suối nhỏ, lại vang lên âm thanh thánh thót rộn ràng không dứt của những giàn “nhạc nước” làm bằng những thanh “đá kêu”. Các Cảnh tượng và âm thanh đặc sắc ấy thật hấp dẫn, đã khiến các nhà dân tộc học nghĩ rằng,

những giàn “đàn đá” ấy hẳn là một hiện tượng dân tộc học độc đáo của Tây Nguyên ; đàn đá là sản phẩm văn hóa có truyền của đồng bào Tây Nguyên.

Rồi thêm vào đó, một vài phát hiện tình cờ giàn đàn đá cổ ở Nam Liêng Kr’ak (Đắc Lắc), ở Bảo Lộc (Lâm Đồng), cũng trong địa bàn Tây Nguyên, lại khiến người ta càng nghĩ là “Tây Nguyên hẳn là quê hương đàn đá” ; hoặc cho rằng “Đàn đá là hồn văn hóa của Tây Nguyên cổ đại”. Cũng bởi thế, nên thường khi đề cập đến việc tìm kiếm, nghiên cứu đàn đá nay hoặc xưa, người ta chỉ nghĩ đến hoặc hướng nhiều hơn về Tây Nguyên. Nhiều người coi đàn đá là vấn đề của đất nước - con người Tây Nguyên cổ kính và bất khuất

Trong khi dư luận chung đang hướng theo quan niệm trên, thì tại Bình Đa, một địa điểm giáp đồng bằng châu thổ Đồng Nai - Cửu Long, cách vùng rìa Tây Nguyên cả trăm cây số lại tìm thấy vết tích đàn đá với tư cách là một hiện vật khảo cổ. Khám phá đàn đá Bình Đa đã làm cho không ít người ngạc nhiên trong sự ngưỡng mộ đối với khảo cổ học. Thực ra, người ngạc nhiên trước hết, lại chính là các cán bộ khảo trực tiếp khai quật di tích Bình Đa. Lúc ấy, họ coi việc tìm thấy đàn đá ở đây là một phát hiện khoa học có phần may mắn, xen lẫn tình cờ, nhưng có tầm quan trọng lớn.

Quả thật vậy ! Từ khi phát hiện được dấu vết làng co Bình Đa cho đến lúc khai quật lớp đất văn hóa, những cán bộ khảo co theo đuổi một ý đồ khoa học lớn khác. Họ không chú ý tìm đàn đá co, mà muôn từ trong những lớp đất văn hóa ở di tích này tìm ra những tài liệu, hiện vật, soi sáng thêm quá trình phát triển văn hóa - lịch sử của bản thân di tích ấy và cả của chung các làng co cùng thời ở vùng đất Đồng Nai hàng nghìn năm trước.

Thoạt đầu, cuộc khai quật ⁽⁴⁾ được triển khai trên diện tích 100 mét vuông. Trong diện đào này, người ta đã ghi nhận được nhiều lớp đất văn hóa tích tụ chồng chất lên nhau theo đà phát triển của làng cổ. Người ta gặp lại vết tích của những sinh hoạt thường ngày diễn ra trong nhóm cư dân co nơi đây - Đó là những bếp lửa lớn gồm những tầng than tro còn nguyên vẹn ; những tảng đá lớn rải rác xung quanh và những đồ đựng bằng gốm bị vỡ nằm thành từng cụm. Cũng trong các lớp đất, người

⁽⁴⁾ Đoàn khai quật gồm: Nguyễn Duy Tỳ – Phó trưởng ban Ban khảo cổ học, Nguyễn Văn long – Trưởng đoàn, Đào Linh Côn, Bùi Chí Hoàng và Bùi Xuân Long

ta đã thấy và thu lượm hàng trăm vật dụng bằng đá, hàng vạn mảnh đồ dụng nằm rải khắp hố..., chứng tích của một quá trình lao động sáng tạo là một cuộc sống cộng đồng khá đông đảo.

Tuy nhiên, suốt từ lớp đất tiếp giáp mặt đồi hiện nay đến lớp đất sâu 1m60 hoặc 2m90, tận cùng mặt đất sinh thổ (tức đất tự nhiên), người ta đã không thấy một mẫu nhỏ của những thanh đàn đá bị vỡ hoặc rơi vãi đó đây...Đàn đá không có và không nằm trong diện tích 100 mét vuông hố đào này

Triển khai muộn hơn vài ngày, là hố đào thứ hai, nằm sát vách phía tây của hố thứ nhất. Tại phần phía bắc của hố mới - tức về phía gần đỉnh đồi - người ta đã thấy lại, gần như đầy đủ, những lớp đất chồng chất, những tầng than tro nguyên vẹn trong bếp lửa. Thậm chí, chúng còn khớp với các lớp đất, các tầng than tro trong hố thứ nhất. Rõ ràng, các dấu tích, vết tích văn hóa ở cả hai hố, đều thuộc cùng một đơn vị di tích mà tính chất của nó là những bếp lửa lớn. Quanh vùng bếp lửa, cũng lại có những đồng gốm vỡ nằm thành cụm. Đây là những vết tích của một điểm sinh hoạt cộng đồng quanh bếp lửa của những người ở làng co Bình Đa.

Tại phần phía nam, các lớp đất văn hoá vẫn tương tự như những lớp đất ở hố thứ nhất. Song, thật tình cờ, chính trong khu vực này, các cán bộ khai quật lần lượt tìm được nhiều thanh, mảnh đàn đá vỡ nằm trong lớp đất ổn định ; xen lẫn các vật dụng, các mảnh gốm vỡ. Quá trình phát hiện đàn đá đã diễn ra thật sôi động.

Mới đầu, vào chiều ngày 12-12-1979, trong khi đào lớp đất sâu từ 0m40 đến 0m60 thuộc phạm vi ô H5 (°) đã phát hiện một đoạn gãy nhỏ của một thanh đá. Đoạn gãy này nằm chung với nhiều mảnh gốm co, trong lớp đất màu nâu nhạt lẫn nhiều hạt sỏi nhỏ. Do hình dáng không nguyên vẹn, đặc điểm chức năng không rõ rệt, nên đoạn đá đó được xử lý như một “hiện vật lạ”

Công việc khai quật vẫn tiếp tục theo tiến trình bình thường ở một ô vuông tiếp giáp ô H5 về phía đông - tức ô 15. Tại ô này, trong lớp đất sâu 0m65 có màu sáng hơn lớp đất phía trên, lại đào thấy 3 tấm đá lạ. Cả ba đều cùng nằm trên một bình

(°) Hố đào thành 15 ô bằng nhau. Ô H5 nằm sát vách nam ; phía đông ô H5 là ô 15 ; phía tây ô H5 là ô G5.

diện ; một đầu của ba tấm đá cắm xiên vào mặt đất. Đặc biệt, về hình dáng, màu đá, về kỹ thuật ghè đẽo của cả ba tấm đều giống tấm đá đã thấy ở ô H5

Cũng thật may mắn, trong đoàn khai quật có đồng chí Nguyễn Văn Long từng xem xét và chấp gấn những mảnh đàn đá Bảo Lộc (Lâm Đồng), nên đã nhận diện ngay những tấm đá lạ ấy chính là những mảnh vỡ của đàn đá. Lúc ấy là vào chiều ngày 13-12-1979. Ngày hôm sau, 14-12, nhiều cán bộ khoa học và văn hóa ⁽⁶⁾ đến hiện trường xem xét đều xác nhận những mảnh đá đó có đầy đủ đặc trưng giống với những thanh đàn đá đã phát hiện được ở vùng nam Tây Nguyên. Đàn đá có mặt trong di tích khảo cổ Bình Đa được khẳng định.

Bắt đầu từ đó các thanh, đoạn đàn đá được tiếp tục giữ nguyên vị trí lúc mới đào thấy. Những vật dụng bằng đá, những nhóm đồ gốm vỡ xung quanh khu vực có đàn đá cũng được bảo tồn nguyên trạng. Việc đào được tiến hành ở những phần đất chưa lộ các đoạn, thanh đàn đá.

Đến ngày 16-12, trong phạm vi ô H5 và ô 15, ở độ sâu 0m60 - 0m65 đã lần lượt lộ ra một hiện trường di tích đàn đá rất thú vị. Có tới 30 thanh, đoạn đàn đá phô bày trên bề mặt hơi thoải dốc từ bắc xuống nam theo thế sườn đồi. Có những thanh nằm gần nhau hoặc sát bên nhau ; có những thanh nằm gối lên nhau ; thậm chí, chồng lên nhau. Chúng nằm thật lộn xộn ; không có dấu hiệu nhỏ nào thể hiện có sự sắp xếp, bố trí của bàn tay con người.

Ngoài phạm vi ô H5 và ô 15, người ta đã mở rộng diện tích đo về hai hướng đông và hướng nam để dò tìm thêm vết tích đàn đá. Ở đây, trong khu vực ở rộng, đã tìm được 5 đoạn gãy của đàn đá. Chúng đều nằm ở độ sâu tương đương với những thanh đá đã phát hiện

Cuối cùng, đến ngày 23-12-1979, tức sau bảy ngày kiên trì đào tìm, người ta đã ghi nhận được 37 thanh và đoạn đàn đá. Chúng nằm rải trên diện tích có chiều dài từ đông sang tây là 3,80 mét, chiều rộng từ bắc xuống nam là 1,96 mét ; cách mặt đất đồi hiện nay là 0,55 - 0,65 mét. Mật độ phân bố không đều. Trong đó, ở ô 15 có 26

⁽⁶⁾ Gồm cán bộ Viện Khoa học Xã hội tại thành phố Hồ Chí Minh, cán bộ Viện Nghiên cứu Âm nhạc, cán bộ Ty Văn hoá – Thông tin tỉnh Đồng Nai

thanh, đoạn ; ở ô H5 có 4 thanh, đoạn ; phần mở rộng về phía đông (tức ô 15) có 5 đoạn ; và phần mở rộng về phía nam, trong ô 16, có 2 mảnh.

Tại ô 15, những mảnh, đoạn đàn đá nằm lộn xộn, sát bên nhau, gối lên nhau ; thậm chí, chồng lên nhau. Có vài thanh nằm cắm đầu vào lòng đất. Tại đây, có một thanh còn nguyên, kích thước nhỏ nhất nằm lẫn dưới nhiều mảnh, đoạn đàn đá khác. Ngoài ra, cũng thấy có nhiều mảnh đồ gốm nằm rải rác giữa các thanh, đoạn đá ; và 8 nông cụ đá nằm phân tán nhiều nơi, mà nhiều nhất là ở khu vực phía tây, gần giáp ô 15.

Trong ô H5, số thanh, đoạn không nhiều như ở ô 15, nhưng lại có 2 thanh còn nguyên dáng hình. Hai thanh này nằm song song theo hướng đông bắc - tây nam, và cạnh đó có 1 đoạn nhỏ, nhiều mảnh gốm và một chiếc rìu đá. Về phía bắc của ô này, có cụm gốm lớn nằm rải theo hướng đông - tây.

Trong các ô khác, I'5 và I6, số đoạn đàn đá ít hơn nằm phân tán, xen lẫn với các mảnh đồ gốm và vài chiếc rìu, cuốc đá.

Sau khi hiện trường di tích đàn đá nói trên được làm lộ rõ, nhiều đồng chí lãnh đạo tỉnh Đồng Nai, nhiều nhà khoa học, âm nhạc, nghệ thuật đã đến xem xét, giám định. Việc quay phim, chụp ảnh, vẽ được tiến hành kịp thời.

Sang những ngày đầu năm 1980, các thanh, đoạn đàn đá được lấy lên khỏi hiện trường. Công việc khai quật lại tiếp tục tiến hành ở phần đất phía dưới di tích đàn đá. Kết quả là đã thu được thêm 5 đoạn nhỏ đàn đá trong ô 15, ở độ sâu 0,90 mét, vào ngày 3-1-1980.

Đào tiếp lớp đất từ độ trấu 0,90 mét đến mặt đất tự nhiên, sâu 1,60 mét, chỉ còn thấy vài vật dụng bằng đá như cuốc, rìu có vai ở thân, những mảnh đồ gốm vỡ. Ngày 9-1-1980, việc khai quật hoàn tất. Trong hố đào đã lộ ra loại đất tự nhiên màu đỏ nhạt thuần nhất, lẫn ít sỏi sạn. Trong tầng đất này không có dấu vết vật dụng cổ xưa, cũng không có mảnh, đoạn đàn đá. Như vậy, 5 đoạn đàn đá tìm được ở độ sâu 0,90 mét là những đoạn cuối cùng được phát hiện trong hố khai quật. Đó cũng là vết tích ở độ sâu nhất của đàn đá trong lớp đất văn hóa cổ Bình Đa.

Đến đây, chúng ta có thể hình dung đầy đủ bộ mặt chung của di tích đàn đá tại hiện trường. Di tích gồm 42 thanh, đoạn đàn đá lớp nhỏ ⁽⁷⁾ ; có màu sắc, hình dáng, kỹ thuật ghè đẽo gần giống nhau. Chúng phân bố trên diện tích rộng khoảng 8 mét vuông ; nằm trong lớp đất văn hóa màu nâu, tơi xốp, cách mặt đồi hiện nay từ 0m55 đến 0m90. Chúng rải thành nhiều cụm. Trong đó, cụm trung tâm gồm khoảng 30 thanh, đoạn, nằm khá lộn xộn hợp thành một dải đá gần như nối tiếp nhau theo hướng tây bắc - đông nam, trên bề mặt dốc thoải, sâu cách mặt đất 0,55 - 0,65 mét.

Di tích đàn đá Bình Đa có tính chất khá đặc biệt. Nó không phải là loại được chôn cất chu đáo, hoặc được sắp xếp có trật tự, có ý thức. Nó được cấu thành từ một tập hợp nhiều vật dụng cùng loại, cùng tính chất - những thanh đàn đá - có quan hệ chặt chẽ trên một bình diện hẹp. Hay nói cách khác, đây là di tích của một tập hợp của những thanh, đoạn đàn đá mà người Bình Đa xưa đã loại bỏ tại chỗ (in situ) hàng loạt do một biến cố bất thường nào đó, sau khi đánh vỡ gần như toàn bộ. Cũng đáng chú ý là, chúng được loại bỏ, không phải ở nơi nào khác, mà ngay trong nơi cư trú, có những đồng nội, vò, bình, bát vỡ phân bố gần xa ; có những vùng than tro của các bếp lửa bên cạnh. Vị trí ấy của di tích đàn đá Bình Đa hẳn như gợi lên hình ảnh về vai trò của nó trong sinh hoạt cộng đồng bên ngọn lửa của người Bình Đa thưở ấy. Phải chăng, đây là một trong những khám phá quan trọng tại hiện trường về đàn đá Bình Đa ?

... ĐẾN Ý NGHĨA CỦA NHỮNG SỐ LIỆU...

Di tích đàn đá Bình Đa gồm đa số là những đoạn đá gãy vỡ. Cho nên, muốn xác định được cấu trúc toàn bộ của nó, cần phải giám định lại số lượng vốn có của những thanh đá. trước khi bị gãy. Như đã biết, số thanh, đoạn đá thu thập được tại hiện trường là 42, cả nguyên lẫn vỡ. Sau khi đối chiếu các đoạn, các mảnh với nhau, rồi lắp ráp lại, thì số thanh, đoạn còn lại là 39. Trong đó có 5 thanh còn dáng nguyên vẹn. Số còn lại gồm 15 đoạn đầu của các thanh đá và 20 đoạn thân. Như vậy, số mảnh, đoạn không chấp gán thành thanh nguyên còn khá nhiều, tới 35 đoạn. Số đoạn thiếu cũng không phải ít. Thật rõ ràng di tích đàn đá Bình Đa còn chưa được phát hiện hết.

(7) Ngoài ra còn có 5 mảnh quá nhỏ

Sưu tập đàn đá còn chưa hoàn chỉnh. Lòng đất cổ ở đây chắc chắn còn lưu giữ nhiều thanh, đoạn khác nữa. Cho nên, muốn dựng lại một cách tương đối hoàn chỉnh di tích đàn đá hiện có, nhất thiết phải tiến hành những cuộc khai đào mới trong tương lai.

Tuy nhiên, với 42 thanh, đoạn đá - một số lượng không phải ít - chúng ta có thể khám phá nhiều điều bí ẩn của đàn đá Bình Đa và của chung loại hình nhạc cụ độc đáo này.

Trước hết, dựa vào kết quả giám định về số lượng, chúng ta biết chắc chắn di tích đàn đá Bình Đa hiện tại có tới 13 thanh nguyên hình dáng, hoặc còn đoạn phía đầu. Ngoài ra, còn có 20 đoạn, mảnh thân chưa tính đến. Nhưng đoạn này có thể có bộ phận thuộc phần vỡ của những đoạn, thanh hiện biết ; nhưng cũng có những đoạn thuộc những thanh còn nằm trong lòng đất. Trên thực tế tư liệu hiện có, đàn đá Bình Đa phải có số lượng nhiều hơn 13 thanh. Thậm chí, nếu so sánh cẩn thận về kích thước, kiểu dáng từng đoạn, chúng ta có thể đưa số lượng thanh không nguyên và nguyên lên đến 20. Đây là số lượng khá lớn, là con số có ý nghĩa. Nó minh chứng cho sự tồn tại khá phổ biến, loại nhạc cụ này trong cuộc sống của cư dân cổ Bình Đa. Mặt khác, nó cũng thể hiện đàn đá - loại nhạc cụ đặc sắc - hẳn đã được chế tạo khá nhiều lúc đó. Thậm chí, có thể có quá trình phát triển đã khá dài lâu. Có lẽ cũng bởi thế, nên hầu như toàn bộ các thanh, đoạn đàn đá Bình Đa đều đã có hình dáng khá thống nhất và ổn định.

Chúng đều là (hoặc thuộc dạng) những phiến đá dài, thẳng, dẹt ; bề ngang hẹp hoặc rất hẹp. Những chỉ số đo đạc của 5 thanh còn nguyên dáng hình có thể cung cấp những nét cụ thể hơn về hình dáng chung của những thanh đàn đá Bình Đa. Trong đó, quan hệ tỉ lệ giữa dài và rộng chỉ biến đổi từ khoảng 4/1 (lớn nhất) đến 3/1 ; bề rộng so với bề dày có tỉ lệ vào khoảng 5/1. Các đoạn đá khác cũng có tỉ lệ giữa rộng và dày biến đổi trong khoảng từ 7/1 đến 5/1. Những con số tỉ lệ ấy hẳn cũng phản ánh phần nào sự ổn định về qui cách, về mực thước chung của cấu trúc hình dáng những thanh đoạn đá ở đây.

Số thứ tự	Ký hiệu	Kích thước (cm)						Trọng lượng (kg)	Ghi chú
		Dài	Rộng			Chỗ mỏng nhất	Chỗ dày nhất		
			Đầu	Giữa	Đầu				
1	BĐ03	41,00	13,00	8,70	10,50	2,65	3,20	4,000	
2	BĐ04	47,00	14,30		5,70	3,05	4,60	8,600	
3	BĐ09	25,50	9,60		10,20	2,20	2,90	2,000	
4	BĐ12+26	43,00	15,50		15,50	3,80	3,80	5,300	
5	BĐ24+30	45,50	11,30	9,40	11,30	3,30	3,40	5,100	

Trên nền cấu trúc chung đó, các thanh, đoạn đá có nhiều biểu hiện, cụ thể khá đa dạng. Điểm dễ nhận thấy nhất là khuôn kho của các thanh đoạn, không giống nhau. Đại thể, chúng có vẻ như hình thành hai nhóm khác nhau⁽⁸⁾. Nhóm cỡ nhỏ gồm 20 thanh, đoạn. Các thanh, đoạn trong nhóm này có chiều rộng từ 10-13cm, dày từ 2,5 – 3,5cm. Nhóm cỡ lớn gồm 14 đoạn ; có chiều rộng từ 14 - 18cm, bề dày khoảng 3,5 - 4,5cm. Nếu tính theo số thanh nguyên và số đoạn phía đầu thì nhóm cỡ nhỏ có 9 thanh, đoạn ; nhóm cỡ lớn có 4 đoạn.

Sự khác nhau giữa hai nhóm càng thấy rõ nét hơn, khi so sánh trọng lượng của các thanh, đoạn đá. Cũng rất tiếc, chúng ta không có nhiều thanh nguyên vẹn để so sánh, đối chiếu chính xác. Tuy nhiên, những số liệu liệt kê dưới đây về trọng lượng vài thanh, đoạn đá cũng có thể gợi lên ấn tượng cụ thể của sự cách biệt khá lớn giữa hai nhóm.

⁽⁸⁾ Có 5 đoạn bị vỡ không thể xếp vào nhóm nhỏ hoặc nhóm lớn

Số thứ tự	Ký hiệu	Kích thước (cm)						Trọng lượng (kg)	Ghi chú *
		Dài	Rộng			Chỗ mỏng nhất	Chỗ dày nhất		
			Đầu	Giữa	Đầu				
1	BĐ03	41,00	13,00	8,70	10,30	2,65	3,20	4,000	Nguyên A
2	BĐ04	47,00	14,30		5,70	3,05	4,60	8,600	— A
3	BĐ12+26	43,00	15,50		15,50	3,80	3,80	5,300	— A
4	BĐ07+19	41,00	16,00		17,00	4,10	6,80	11,300	Đầu B
5	BĐ17+21	41,50	15,50		19,00	3,60	4,80	12,500	— B
6	BĐ15	33,00	17,00		18,00	4,20	6,40	8,800	— B
7	BĐ18	32,00	14,30		17,50	4,20	4,80	9,800	— B

(*) A là nhóm nhỏ, B là nhóm lớn

Trong số 7 thanh, đoạn của hai nhóm nêu trên, ta thấy rõ ba thanh đầu thuộc nhóm nhỏ, trọng lượng nhẹ, tuy cả ba đều nguyên vẹn. Bốn đoạn tiếp theo sau là những đoạn đầu của nhóm lớn, có chiều dài bằng hoặc kém ba thanh trên, nhưng trọng lượng nặng hơn. Nếu tạm coi mỗi đoạn này chỉ dài khoảng một nửa hoặc một phần ba thanh nguyên thì trọng lượng của các thanh nhóm lớn cũng vượt nhiều lần các thanh nhóm nhỏ.

Những biểu hiện của sự cách biệt giữa hai nhóm thanh, đoạn đá khá phổ biến, gần như thành hệ thống nhất quán, đã gợi lại hình ảnh về dự tồn tại hai giàn đàn lớn, nhỏ trong di tích đàn đá Bình Đa. Đây là sự khác biệt rõ nét nhất và cũng là duy nhất trong sưu tập đàn đá ở đây

Ngoài sự cách biệt đó, hai giàn đàn đá có những đặc điểm hình dáng, kỹ thuật,.. thống nhất với nhau. Ví như, trong giàn nhỏ có hai loại tiết diện thân nửa hình thoi và hình thoi, thì ở giàn lớn cũng có, với tổ lượng không quá chênh lệch. Giàn nhỏ có 6 thanh tiết diện hình thoi và 11 thanh, đoạn có tiết diện nửa hình thoi, Giàn đàn cỡ lớn có 7 đoạn tiết diện hình thoi và 6 đoạn tiết diện nửa hình thoi. Số lượng các thanh, đoạn của mỗi loại đều không ít. Cho nên, có thể coi chúng là hai dạng đặc trưng khá phổ biến và ổn định của cấu trúc tiết diện hình dáng thân những thanh, đoạn đàn đá Bình Đa.

Khi quan sát bề mặt thân các thanh, đoạn đá của cả hai giàn đàn, chúng ta cũng lại thấy có hai loại đặc trưng khác nhau cùng tồn tại. Một loại có 2 rìa cạnh song song

; mặt thân thẳng đều từ đầu đến cuối thanh, đoạn đá. Một loại có 2 rìa cạnh cong lõm khoảng giữa ; mặt thân rộng to ở 2 phần đầu thanh đá, phần giữa thân thu hẹp và co lại. Loại đầu có 17 thanh, đoạn, trong đó giàn đàn nhỏ có 9, giàn đàn lớn có 8. Loại thứ hai có 9 đoạn. Giàn nhỏ có 6 thanh, đoạn ; giàn lớn có 2 đoạn. Hai loại rìa cạnh này có số lượng khá nhiều.

Nếu nhìn vào các mặt của rìa cạnh, cả bên trái lẫn bên phải, thì các thanh, đoạn đàn đá thể hiện theo hai dạng chủ yếu. Dạng thứ nhất, gồm 5 đoạn, có độ dày bằng nhau trên toàn bộ chiều dài. Dạng thứ hai, có độ dày không đều. Các thanh, đoạn trong dạng này thường có mặt cạnh ở hai đầu dày hơn, và mỏng dần về khoảng giữa. Dạng này khá phổ biến. Giàn đàn lớn có 8 đoạn ; giàn nhỏ có 11 thanh, đoạn. Cuối cùng, về phần rìa đầu, các thanh, đoạn cũng tập trung chủ yếu vào 2 loại. Loại rìa thẳng ngang hoặc hơi xiên vát, và loại rìa hình cung hoặc chữ V. Cả hai loại đều có số lượng không ít. Trong đó, loại rìa thẳng có 13 thanh, đoạn ; loại rìa hình cung có 8 thanh, đoạn.

Tóm lại, từ sự quan sát chung đến xem kỹ chi tiết từng phần, chúng ta đều thấy di tích đàn đá Bình Đa, tuy có hai giàn đàn lớn nhỏ, nhưng về cấu trúc hình dáng chung, cũng như về những đặc điểm cụ thể, thì cả 2 giàn đều có bộ mặt thống nhất thậm chí gần giống nhau. Cả hai giàn đều gồm nhiều thanh đá dài, dẹt, thẳng, có tiết diện thân hoặc hình thoi hoặc nửa hình thoi. Và trên 2 dạng thân cơ bản đó, các thanh, đoạn của 2 giàn đàn có 2 loại đặc trưng cụ thể cùng tồn tại. Trong đó, 2 đặc trưng của rìa cạnh là song song và cong lõm ; 2 đặc trưng của mặt thân là thẳng, phẳng, đều và cong lõm ở khoảng giữa ; 2 đặc trưng của rìa đầu là thẳng và hình cung.

Điều đáng chú ý là những biểu hiện về hình dáng, về đặc điểm của chúng đều khá phổ biến. Do vậy, có thể nghĩ rằng, đàn đá Bình Đa đã có mức độ định hình cao. Thậm chí, có thể coi chúng là sản phẩm gần như được làm theo một tiêu chuẩn ổn định... Người thợ xưa làm đàn Bình Đa có chắc chắn đã có kinh nghiệm làm đàn khá phong phú, có kỹ thuật chế tác thành thạo. Tài nghệ ấy của họ còn lưu lại đậm nét trên hầu hết các thanh, đoạn đàn đá ở đây. Đó là những dấu vết ghe đẽo vừa thô sơ lại vừa tỉ mỉ, mà chúng ta không thể không phân tích chúng một cách tường tận.